

Bản án số: 61/2023/HS-PT

Ngày: 18-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Bà Huỳnh Thị Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 4 và 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 41/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023. Do có kháng cáo của các bị cáo Mai Văn T và Mai Văn Th đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Mai Văn T (Tên gọi khác: Út Con), sinh năm 1986 tại Long An. Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp 6, xã TP, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Buôn bán; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Mai Văn A, sinh năm 1953 và bà Đặng Thị T1, sinh năm 1954; vợ Đặng Thị Lê M, sinh năm 1991 (đã ly hôn); bị cáo có 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPHC ngày 21-02-2022 của Trưởng Công an huyện Tân Trụ, xử phạt số tiền 4.000.000 đồng về hành vi gây rối trật tự nơi công cộng. Bị cáo đã nộp phạt ngày 21-9-2022.

Bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam từ ngày 07-7-2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Mai Văn Th, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984 tại Long An. Nơi ĐKKTT: Ấp 6, xã TP, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Buôn bán; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Mai Văn A, sinh năm 1953 và bà Đặng Thị T1, sinh năm 1954; chung

sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1986 (hiện không còn sống chung) và có một người con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:*

- *Người bị hại:*

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 71, tổ 25, khu phố 8, phường LB, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Nguyễn Đình Thái H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khu phố 2A, phường LB, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Mai Văn A, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp 6, xã TP, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trần Duy T2, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu phố TB, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

2. Chị Phạm Thị MA, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp 1, xã TP, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3. Anh Lê Văn T4, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp 1, xã TP, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

4. Anh Lê Hữu B2, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 315, ấp BL, xã Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11-2020, Mai Văn T nhiều lần thuê xe tải của anh Nguyễn Văn B để chở heo từ tỉnh Đồng Nai về huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, nên T quen biết được anh B. Đến ngày 16-12-2020, T điện thoại cho anh B kêu anh B hợp tác với T để mua heo từ Đồng Nai đem đến Long An bán lại cho các thương lái với lợi nhuận cao và họ trả tiền liền thì B đồng ý. Ngày 19-12-2020, T gặp Mai Văn Th là anh ruột của T, T nói cho Th nghe về việc T bị thiếu nợ bên ngoài nhiều và bị gây áp lực buộc trả tiền nhưng không có tiền nên nhờ Th giúp T giả làm người mua heo để lừa số heo của anh B đem bán lấy tiền trả nợ. Lúc đầu Th không chịu, T thuyết phục mãi nên Th đồng ý. T đưa cho Th số điện thoại 085.266.4735 của anh B và kêu Th gọi điện thoại đặt mua 42 con heo của anh B. Ngày 20-12-2020, Th dùng điện thoại di động số 0939.219.499 gọi điện thoại cho anh B và tự xưng mình tên là Cường, hỏi mua heo, anh B nói giá heo là 76.000 đồng/kg thì Th đồng ý đặt mua ban đầu là 42 con heo nhưng sau đó điều chỉnh lại là 45 con và kêu anh B chở heo đến Khu công nghiệp Long Cang – Long Định ở ấp 4, xã Long Định, huyện Cần Đức để giao cho Th. Anh B kêu Th chuyển trước tiền đặt cọc để làm tin thì Th đồng ý; Th kêu B gửi số tài khoản ngân hàng cho Th để Th chuyển khoản. Sau khi anh B gửi số tài khoản qua cho Th thì Th chuyển số tài khoản trên lại cho T, T chuyển khoản số tiền

đặt cọc là 49.000.000 đồng cho anh B. Sau khi nhận được tiền chuyển khoản đặt cọc, anh B gọi điện thoại báo cho T biết đã mua đủ số lượng 45 con heo với giá 76.000 đồng/kg nên giao cho Cường tức là Th với giá là 77.000 đồng/kg (45 con heo trên là của anh B và anh Nguyễn Đình Thái H cùng hùn vốn thu mua với giá 75.500 đồng/kg) thì T đồng ý và kêu B cứ chở heo xuống giao cho tên Cường, T đứng ra bảo đảm. Đến 15 giờ ngày 21-12-2020, anh B và anh H thuê xe ô tải biển số 60C-143.83 của tài xế tên Quang chở 45 con heo trên đến huyện Cần Đức để giao cho tên Cường. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi xe của anh B đến nơi thì Th điện thoại báo cho T biết, T kêu Th ra nhận heo. Khi đó, T thuê xe ô tô tải, biển số 60C-209.62 của anh Trần Duy T2, thuê xe lôi của anh Lê Văn T4 và thuê 01 xe tải (không rõ biển số) của anh Tiến (không rõ lai lịch) đến khu dân cư Năm Sao thuộc Ấp 4, xã Long Định, huyện Cần Đức để chở heo. Tại đây, Th đứng ra nhận 45 con heo của anh B và anh H rồi chuyển sang các xe nêu trên để T đem đến Ấp 1, xã TP, huyện Tân Trụ gửi tại trại heo của chị Phạm Thị MA. Sau khi anh B và anh H giao heo cho Th xong và có báo giá tiền tổng cộng là 383.845.000 đồng, Th giả vờ kêu anh B và anh H đến quán cà phê ở thị trấn Bến Lức để uống nước chờ lấy tiền rồi lẩn trốn về Bình Dương sinh sống.

Ngày 22-12-2020, T kêu xe của anh T4 chở 10 con heo đến khu phố Tân Bình, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ bán cho chị Mai Thị Hạnh với số tiền 97.000.000 đồng. Ngày 24, 26-12-2020, T kêu xe của anh T4 chở 35 con heo còn lại đến lò mổ của anh Lê Hữu B2 ở cầu Nhum, xã Tân Bình, huyện Tân Trụ để mổ lấy thịt đem đến chợ đầu mối Bình Điền bán cho khách được 133.000.000 đồng. Số tiền bán heo có được T dùng trả nợ 176.000.000 đồng, chuyển cho ông 8 Niên (không rõ lai lịch) để mua bò là 45.000.000 đồng, còn lại 9.000.000 đồng T dùng trả tiền thuê xe 1.800.000 đồng và tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTX ngày 19-3-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Cần Đức, tỉnh Long An, kết luận: “45 con heo có tổng khối lượng là 4.985kg, giá trị tài sản là 398.800.000 đồng.”

Tại Bản cáo trạng số 51/CT-VKSCĐ ngày 14-11-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã truy tố các bị cáo Mai Văn T và Mai Văn Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An đã xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Mai Văn T và Mai Văn Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Văn Th 05 (năm) năm tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về án phí và về quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 02 năm 2023, bị cáo Mai Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo Mai Văn Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Mai Văn T, Mai Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo Mai Văn T và Mai Văn Th kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Mai Văn T, Mai Văn Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Mai Văn T và Mai Văn Th.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo mong được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo Th được hưởng án treo, tạo điều kiện cho các bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Mai Văn T, Mai Văn Th kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Nội dung giải quyết và yêu cầu kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Mai Văn T, Mai Văn Th khai nhận: Xuất phát từ việc bị cáo T nợ tiền của người khác không có tiền để trả. Bị cáo T đã rủ rê và bàn bạc được bị cáo Th đồng ý, giả làm người mua heo của các người bị hại Nguyễn Văn B và Nguyễn Đình Thái H bằng hình thức đặt cọc trước một số tiền để bị hai tin và giao heo rồi chiếm đoạt luôn không trả số tiền còn lại khi nhận heo. Ngày 21-12-2020, các bị cáo Th và T đã chiếm đoạt 45 con heo có khối lượng 4.985kg, giá trị tài sản là 398.800.000 đồng của các bị hại B và H. Xét, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nội dung án sơ thẩm đã nêu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Mai Văn T và Mai Văn Th

phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, là xét xử đúng người, đúng tội, không oan cho các bị cáo.

[2.3 Xem xét tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nhân thân, vai trò của từng bị cáo trong vụ án và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo để tuyên phạt mỗi bị cáo với mức án như trên là thỏa đáng.

[2.3] Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm đơn xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú có hoàn cảnh khó khăn nhưng tình tiết này đã được cấp sơ thẩm xem xét, nên không xét đến. Ngoài ra, bị cáo Th còn cung cấp “Đơn hoàn trả tiền” với số tiền 105.000.000 đồng cho các bị hại ông B và ông H. Trong đơn, chỉ có chữ ký và chữ viết họ và tên của ông B và ông H, nhưng không có xác nhận chữ ký của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về chữ ký và viết tên trong đơn có phải của ông B và ông H ký tên hay không. Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa một thời gian để bị cáo Th bổ sung, nhưng bị cáo Th không bổ sung được, nên không có căn cứ để xem xét. Do đó, các bị cáo kháng cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nên không có căn cứ để xem xét kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[2.4] Bị cáo Mai Văn Th bị phạt 05 năm tù, trong khi đó tại Điều 65 Bộ luật Hình sự quy định chỉ xem xét được hưởng án treo trong trường hợp bị xử phạt tù không quá 03 năm và phải đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật, nên không có căn cứ để xem xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Th.

[2.5] Từ những phân tích trên, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Văn T và Mai Văn Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm về giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Các bị cáo Mai Văn T và Mai Văn Th kháng cáo không được chấp nhận, nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Văn T và Mai Văn Th. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An về hình phạt.

Tuyên bố: Các bị cáo Mai Văn T và Mai Văn Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07-7-2022.

Áp dụng Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Mai Văn T 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

2.2 Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Văn Th 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo Mai Văn T và Mai Văn Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND huyện (02);
- VKSND huyện (01);
- CQĐT huyện (01);
- Chi cục THADS huyện (01);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Tâm